

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13/6/2018

“ V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Hồng Châu

2. Ông Đinh Công Thề

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Ông Trần Quốc Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cum'gar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2018/TLST – HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1968 - *Có mặt*

Trú tại: 39 BT, khối 7, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn G, sinh năm 1965 – *Vắng mặt* - *Mất tích* theo Quyết định số 08/2017/QĐVDS - ST ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cum'Gar.

Nơi cư trú cuối cùng: 39 BT, khối 7, thị trấn QP, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị K trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tấn G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng đến ngày 08/3/1993 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QP (nay là thị trấn QP), huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Thời gian đầu, tình cảm vợ chồng bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng khoảng năm 1995 ông G thường xuyên vô cớ sinh chuyện và cãi vã với bà K rồi bỏ nhà đi biệt tích 3 năm. Đến năm 1998, ông G trở về tiếp tục sinh sống với

bà đến khi bà sinh con thứ hai được vài tháng thì ông G tiếp tục bỏ đi biệt tích đến nay không có tin tức gì. Bà K đã tìm kiếm nhiều nơi từ bạn bè, người thân và về quê nhưng không ai biết tin tức gì về ông G. Vì vậy năm 2017 bà đã viết đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông G mất tích; ngày 21/12/2017 Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, đã tuyên bố ông Nguyễn Tấn G mất tích. Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa bà với ông Nguyễn Tấn G.

Về con chung: bà và ông G có 02 con chung là: Nguyễn Tấn L, sinh ngày 27/4/1992; Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 07/8/1998, cả 2 cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Từ khi ông G bỏ đi đến nay, bà trực tiếp nuôi dưỡng các con. Hiện nay cháu L và cháu Uyên đã trên 18 tuổi và tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị K. Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Tấn G.

Về con chung, tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'Gar.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 21/12/2017, Tòa án nhân dân huyện CưM'gar tuyên bố ông Nguyễn Tấn G mất tích. Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2018 xác định từ ngày Tòa án tuyên bố ông G mất tích đến nay không có tin tức gì, ông G không có mặt tại địa phương, ông G làm gì, ở đâu chính quyền địa phương không rõ. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông G

vẫn không có mặt tại Tòa án nên Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt ông G là phù hợp với quy định điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Tấn G đăng ký kết hôn năm 1993 tại ủy ban nhân dân xã QP (nay là thị trấn QP), huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông G là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Từ năm 1998, ông G bỏ đi khỏi nơi cư trú không có tin tức gì. Tại quyết định số 08/2017/QĐVDS - ST ngày 21/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tuyên bố ông Nguyễn Tấn G mất tích. Theo biên bản xác minh tại địa phương thì kể từ ngày Tòa án tuyên bố ông G mất tích đến nay không có tin tức gì, hiện ông G không có mặt tại địa phương.

Nay bà K yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Tấn G, xét yêu cầu của bà K là chính đáng phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 78 Bộ luật dân sự (BLDS) và khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình (LHNGĐ), nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Về con chung: Bà K và ông G có 2 con chung là: Nguyễn Tấn L, sinh ngày 27/4/1992; Nguyễn Thị Tú U, sinh ngày 07/8/1998. Các con chung đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và tự lao động, bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con chung nên Tòa án không đề cập là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đề cập.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 2 Điều 78 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K;

Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Nguyễn Tấn G.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/001945 ngày 10/01/2016 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Tấn G có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- UBND thị trấn QP;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Hiền